TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS - ST
Ngày: 08/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sáu.

2. Ông Lê Đăng Huấn.

- *Thư ký phiên tòa:* **bà Nông Thị Thu Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Cát Cảng** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức V** (Tên gọi khác: V M); Sinh ngày 08/9/1994, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn lớp: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn M, sinh năm 1968; con bà Hồ Thị T (Hồ Thị T), sinh năm 1969.

Nhân thân: Ngày 13/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 07 tháng 02 ngày tù về tội "trộm cắp tài sản" (được trả tự do tại phiên tòa);

Tiền án: Có 02 tiền án. Ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày vào 11/01/2016; Ngày 16/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/7/2018; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:*

1/ Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. (Có mặt)

3/ Ông Lê K, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

2/ Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức V là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên đi lang thang trong khu vực thôn T, xã E để tìm sơ hở của các nhà dân, mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, trong thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019, bị cáo Nguyễn Đức V đã thực hiện một số vụ trộm cắp trên địa bàn thôn T, xã E, huyện K, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 17/7/2019, Nguyễn Đức V đến nhà anh Nguyễn Đức L (là anh trai V) ở thôn T, xã E, huyện K chơi và hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YaMaHa Sirius mang biển số 47M1- 3640 của anh L để đi chơi, nhưng anh L không đồng ý cho mượn. Do biết anh L thường để chìa khóa xe mô tô ở dưới bếp nên V đã lén lút đi xuống phòng bếp nhà anh L lấy trộm chìa khóa rồi đi ra dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển về hướng trung tâm xã E, huyện K. Sau đó V mở cốp xe thấy có 01 giấy đăng ký xe và bảo hiểm xe mang tên Nguyễn T nên mang xe đến thành phố H cầm cố với số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Trưa ngày 12/12/2019 Việt đi qua nhà bà Nguyễn Thị L ở cùng thôn T, thấy có người đang hái cà phê và dồn bao cà phê đã hái vào một góc vườn nhà bà L. Quan sát không có người trông coi, nên V lén lút đi đến vác trộm 01 bao cà phê quả tươi đi về vườn nhà của V, sau đó Việt gọi điện rủ Nguyễn Đình N (là bạn của V) chở đến chỗ bà V trú tại thôn T để bán cà phê, N đồng ý và mượn xe mô tô của một người bạn cùng chơi Internet (N không nhớ biển số xe và nhân thân người này) đến gặp V. Sau đó N cùng V chở bao cà phê đến bán cho bà Đoàn Thị V với số tiền 300.000 đồng.

Vụ thứ 3: Trưa ngày 14/12/2019, V đột nhập vào vườn cà phê của ông Lê K, trú cùng thôn, lén lút vác trộm 01 bao cà phê quả tươi 50 kg về vườn nhà của V, rồi sau đó đến bán cho bà Đoàn Thị V với số tiền 350.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 11/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 xe mô tô BKS 47M1 - 3640 nhãn hiệu YaMaHa, loại sirius đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2007 có giá 5.775.000 đồng; 40kg cà phê vối quả tươi tại thời điểm ngày 12/12/2019 có giá 264.000 đồng; 50 kg cà phê vối quả tươi tại thời điểm ngày 14/12/2019 có giá 330.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp được định giá là: 6.369.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô BKS 47M1 - 3640 nhãn hiệu YaMaHa, loại sirius đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu năm 2007 nhưng chưa xác minh được nơi cầm cố nên chưa tiến hành thu giữ được.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, tuyên phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L giá trị của bao cà phê với số tiền là 264.000 đồng và ông Lê K giá trị bao cà phê bị mất với số tiền là 330.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Đức L không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 47M1 - 3640 bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Đức L. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa thu giữ được nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức V khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét bị cáo Việt cố ý trộm cắp chiếc xe máy của anh Nguyễn Đức L, trộm cắp của bà Nguyễn Thị L 40 kg cà phê vối quả tươi, trộm cắp của ông Lê K 50 kg cà phê vối quả tươi, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tổng giá trị tài sản mà bị cáo V trộm cắp được là 6.369.000 đồng khi chưa được xóa án tích là phạm tội "Trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm;

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", sau khi chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích, bị cáo trở về được tái hòa nhập cộng đồng, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, sống có ích cho gia đình, xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Do đó cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm

khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Việt phạm tội trộm cắp tài sản; đề nghị hình phạt; về bồi thường thiệt hại; về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 264.000 đồng, ông Lê K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 330.000 đồng tương ứng với số cà phê bị mất. Xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp với bản kết luận định giá của Hội đồng định giá và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và các bị hại, buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 264.000 đồng, bồi thường cho ông Lê K số tiền là 330.000 đồng.

Đối với bị hại là anh Nguyễn Đức L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 47M1- 3640 mà Nguyễn Đức V đã trộm cắp của anh Nguyễn Đức L, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác minh được nơi cầm cố, nên chưa thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Trong vụ án này, Nguyễn Đình N chở bị cáo Việt đi bán cà phê, nhưng N không biết tài sản là do Việt trộm cắp mà có; bà Đoàn Thị V là người mua 40 kg cà phê quả tươi do V trộm cắp của bà Nguyễn Thị L và 50 kg cà phê quả tươi của ông Lê K, tuy nhiên bà V không biết tài sản đó là do V trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý Nguyễn Đình N và bà Đoàn Thị V về mặt hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2020.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 264.000 đồng, bồi thường cho ông Lê K số tiền 330.000 đồng.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thực thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPCQ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang